

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 09-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Ngọc Thoan;
- Ông Trần Đình Khương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

*** Bùi Hữu T** (Tên gọi khác: **Vện**), sinh ngày 30/8/1987 tại Quảng Trị;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện tại: Khu phố A, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Huy Kh, sinh năm 1965 và con bà: Trần Thị Q, sinh năm: 1966; vợ Lê Thị Mỹ H, sinh năm: 1994; con Bùi Gia K, sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam ngày 12/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên tòa.

*** Lê Văn Anh T1** (Tên gọi khác: **È**), sinh ngày 27/7/1992 tại Quảng Trị;

Nơi ĐKKHKT: Khu phố TC, phường ĐL, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị. Chỗ ở hiện tại: Khu phố A, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ sửa xe đạp điện; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn H, sinh năm 1970 và con bà Hoàng Thị B (đã chết); vợ Đào Thị L sinh năm 1995; 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 22/3/2008, bị Công an phường DL, TP DH ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”;

- Ngày 01/7/2008, bị Chủ tịch UBND phường DL, TP DH ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời hạn 06 tháng kể từ ngày 01/7/2008 đến ngày 01/01/2009;

- Ngày 09/7/2010, bị Công an TP DH ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” về hành vi: “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”;

- Ngày 17/11/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 25 (hai mươi lăm) tháng tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Hiện đã chấp hành xong bản án.

Bị bắt, tạm giam ngày 12/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Quảng Trị. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Công ty TNHH MTV TN, địa chỉ: Số 285- LD, phường DL, thành phố DH, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm: 1965; địa chỉ: Khu phố B, phường DL, thành phố DH, tỉnh Quảng Trị- Giám đốc. Vắng mặt.

- Anh Dương Huy C, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn NC, xã TrĐ, huyện TrP, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Hữu A, sinh năm: 1988; địa chỉ: Khu phố VP, phường DL, thành phố DH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 2001; địa chỉ: Khu phố C, phường DL, thành phố DH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của anh Sơn: Bà Lê Thị D, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn TTr, xã VT, huyện VL, tỉnh Quảng Trị (Mẹ ruột của anh S).

Đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của anh S: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1951; địa chỉ: Khu phố N, Phường X, thành phố DH, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền đề ngày 07/10/2017). Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Hải V, sinh năm: 1981; địa chỉ: Khu phố ĐA, phường DL, thành phố DH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Lê Viết T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố DH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị C, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số 557- LD, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm: 1994; địa chỉ: Khu phố A, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Chị Đào Thị L, sinh năm: 1995; địa chỉ: Khu phố A, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

-Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm: 1989, địa chỉ: Khu phố ĐA, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Võ Xuân L, sinh năm: 1992; địa chỉ: Khu phố LP, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm: 1988; địa chỉ: Khu vực M, xã TrTh, huyện TrP, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Chị Lê Thị T, sinh năm: 1992; địa chỉ: Khu phố TrC, phường ĐL, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Về hành vi trộm cắp tài sản:**

Khoảng 10 giờ 30 ngày 10/10/2017, Lê Văn Anh T1 và Bùi Hữu T rủ nhau trộm cắp tài sản. Cả hai đi bộ dọc đường Lý Thường Kiệt, khi đến trước Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông QT, (địa chỉ 41 Lý Thường Kiệt, khu phố A, phường ĐL, thành phố ĐH) thì phát hiện cổng Công ty mở, không có bảo vệ trông giữ nên T đứng phía ngoài cánh giới, còn T1 đi bộ vào bãi xe của Công ty. Phát hiện xe mô tô YAMAHA SIRIUS, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 74D1-095.14 của anh Dương Huy C đang dựng tại nhà xe, chìa khóa đang gắn ở ổ khóa điện nên dắt ra đường. T1 điều khiển xe chở T đến tiệm cầm đồ số 10 Nguyễn Thái Học, thành phố ĐH, do anh Lê V làm chủ cầm cố với số tiền 1.800.000 đồng. Số tiền này cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận số 99/KLĐGTS ngày 12/10/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố ĐH xác định giá trị chiếc xe mô tô YAMAHA SIRIUS, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 74D1-095.14 có giá trị còn lại là 9.100.000 đồng.

Ngoài hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên, quá trình điều tra Bùi Hữu T và Lê Văn Anh T1 còn khai nhận ngày 30/8/2017, T và T1 còn thực hiện thêm 01 vụ Trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố ĐH, cụ thể:

Vào khoảng 20 giờ ngày 30/8/2017, tại quán Internet Đầu Trường (số 483 L D, khu phố Tr C, phường Đ L, thành phố ĐH) Lê Văn Anh T1 phát hiện máy điện thoại di động hiệu Vega Sky A870S màu đen của anh Nguyễn Văn S đang sạc pin để trên bàn máy tính trong quán nên đã bàn bạc với Bùi Hữu T cùng nhau lấy trộm. Để thực hiện hành vi của mình, T đi đến vị trí để máy lén lấy giấu vào trong túi quần rồi cùng T1 rời khỏi quán. Sau khi lấy trộm được tài sản, T1 thỏa thuận lấy máy để sử dụng nên đưa cho T số tiền 200.000 đồng. Số tiền trên Bùi Hữu T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận số 98/KLĐGTS ngày 01/11/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố ĐH xác định giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VEGA SKY A870S có giá trị còn lại là 3.499.300 đồng.

*** Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:**

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ ngày 14/8/2017, Bùi Hữu T đang chơi điện tử tại quán Internet 31 Ngô Quyền (Khu phố N, Phường D, thành phố ĐH) thì nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 74C1 – 082.96 của anh Nguyễn Văn Hữu A. Để thực hiện hành vi của mình, T điện thoại gọi A đến quán nước số 25 Ngô Quyền để giả vờ trả nợ (vì trước đó T có mượn tiền A). Khoảng 15 phút sau, A điều khiển xe mô tô đến thì T nói với A: “*mượn xe về chị gái lấy tiền để trả nợ*”. Tin tưởng nên A giao xe cho T mượn. Sau khi chiếm đoạt được xe, T điều khiển xe đến tiệm cầm đồ số 10 Nguyễn Thái Học do anh Lê V làm chủ, cầm với số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền trên T tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 12 giờ ngày 15/8/2017, T điện thoại cho anh Nguyễn Tuấn D (trú tại khu phố ĐA, phường Đ L, thành phố ĐH) đặt vấn đề mượn chiếc xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ, biển kiểm soát: 74C1- 349.09 của D đến thế chỗ lấy xe của anh A ra đi cầm nơi khác được giá hơn sẽ chuộc lại xe cho D. Nghe vậy D đồng ý và đưa xe của mình cùng T đến gặp anh Lê V để chuộc chiếc xe Yamaha Jupiter, rồi đem đến cầm cố tại Tiệm cầm đồ Kim Yến III do chị Nguyễn Thị Hải V làm chủ, cầm chiếc xe trên được 9.500.000 đồng. Số tiền này T sử dụng để chuộc xe cho D và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 16/8/2017, T đến gặp chị V tiếp tục cầm thêm chiếc xe trên 1.000.000 đồng.

Tại bản kết luận số 101/KLĐGTS ngày 13/10/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố ĐH xác định giá trị chiếc xe mô tô YAMAHA JUPITER, màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 74C1-082.96 có giá trị còn lại là 12.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 07/10/2017, Bùi Hữu T điều khiển xe mô tô hiệu Attila, màu đỏ, biển kiểm soát 74H1 – 009.69 đến nhà Lê Văn

Anh T1 ở Khu phố A, phường DL, TP DH chơi. Tại đây, T rủ T1 “*giả vờ điện thoại mua thép, sau đó lừa họ đi chỗ khác để lấy bán kiếm tiền tiêu xài*” T1 đồng ý. Do không có điện thoại nên T và T1 đến gặp chị Lê Thị T (*trú tại khu phố Tr C, phường D L, thành phố D H*) mượn điện thoại để sử dụng (chị T không biết mục đích của T và T1). Khoảng 09 giờ 30 cùng ngày, T điện thoại đến Công ty TNHH MTV TN, địa chỉ 285 LD, thành phố DH do bà Nguyễn Thị Thanh Th làm Giám đốc Công ty giả vờ giao dịch. Vì sợ mua hàng số lượng ít Công ty sẽ không chuyển nên T, T1 đã đặt 200kg thép phi 6 và 150kg thép phi 1 vận chuyển đến địa chỉ số 33, Lý Thường Kiệt, thành phố D H. Sau khi nhận điện thoại đặt hàng, bà Th cử anh Võ Xuân L (*là lái xe Công ty*) và anh Nguyễn Đức Th (*là nhân viên bốc vác*) chuyên số hàng đến địa điểm đã thỏa thuận. Khi đến địa điểm trên, T1 nhận hàng và nói anh L đến phía trước quán bê thui Quý Đạo (*ngã tư Lý Thường Kiệt – Lê Lợi*) gặp người mua hàng và nhận tiền. Khi anh L điều khiển xe đi thì T cùng T1 dùng xe mô tô chở 03 cuộn thép phi 1 (tổng trọng lượng 150kg), đến bán cho Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng của chị Lê Thị C (*địa chỉ: 557 L D, khu phố ĐA, phường DL, thành phố D H*) với số tiền 1.650.000 đồng, đồng thời gọi điện thoại cho anh L đến chở 200kg sắt phi 6 về. Số tiền trên cả hai chia nhau tiêu xài hết.

Tại bản kết luận số 97/KLĐGTS ngày 01/11/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố D H xác định 150kg thép buộc phi 1 có giá trị là 2.550.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Chiếc xe mô tô hiệu Attila, màu đỏ, biển kiểm soát 74H1 – 009.69, số khung: 12HU8D041768, Số máy VTBB-D041768 của chị Lê Thị Mỹ H.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-KT ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố DH, tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Bùi Hữu T và Lê Văn Anh T1 về các tội “***Trộm cắp tài sản***” và “***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***” theo khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố DH giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Hữu T và Lê Văn Anh T1 phạm tội “***Trộm cắp tài sản***” và “***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***” theo khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về tội Trộm cắp tài sản:

Áp dụng điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, xử phạt bị cáo Bùi Hữu T từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, xử phạt bị cáo Lê Văn Anh T1 từ 12 đến 15 tháng tù.

Về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, xử

phạt bị cáo Bùi Hữu T từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, xử phạt bị cáo Lê Văn Anh T1 từ 08 đến 10 tháng tù.

Áp dụng Điều 17, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng: Trả lại cho chị Lê Thị Mỹ H chiếc xe mô tô hiệu Attila màu đỏ, biển kiểm soát 74H1-009.69 (số máy VTBB-D041768; số khung 12HU8D041768) theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Hữu T, Lê Văn Anh T1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố:

Có đủ cơ sở kết luận, trong khoảng thời gian từ ngày 30-8-2017 đến ngày 10/10/2017 trên địa bàn thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Văn S, anh Dương Huy C các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 01 (một) điện thoại di động, 01 (một) xe mô tô. Giá trị còn lại của tài sản chiếm đoạt là 12.599.300 đồng. Ngoài ra, với thủ đoạn gian dối các bị cáo Bùi Hữu T và Lê Văn Anh T1 đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Hữu A là 01 chiếc xe mô tô và Công ty TNHH MTV TN 150kg thép phi 1, giá trị còn lại của tài sản bị chiếm đoạt là 14.550.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo về hành vi “ *Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản*” là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất, hành vi phạm tội: Các bị cáo là những thanh niên có đầy đủ năng lực hành vi, có nghề nghiệp ổn định nhưng không chịu khó rèn luyện, lười lao động, có thái độ coi thường pháp luật. Đối với bị cáo Lê Văn Anh T1 đã bị Tòa án xét xử nhưng không lấy đó làm bài học cho mình mà còn tiếp tục cùng với bị cáo Tiến thực hiện các hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an trên địa bàn nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe trong phòng chống tội phạm.

[4] Xét vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, vị trí vai trò của các bị cáo xác định như sau:

* *Đối với hành vi Trộm cắp tài sản:* Lê Văn Anh T1 là người khởi xướng trong các vụ án Trộm cắp tài sản của anh Dương Huy C và anh Nguyễn Văn S, đồng thời là người thực hành tích cực. Bùi Hữu T là người thực hành trong vụ án Trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn S và là người giúp sức, cảnh giới cho T1 thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, trong hành vi này cần xem xét đến vai trò của bị cáo T1 cao hơn nên khi lượng hình cần xem xét đến mức hình phạt của bị cáo T1 cao hơn bị cáo T.

* *Đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:* Bùi Hữu T là người khởi xướng trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH MTV TN đồng thời là người thực hành, tạo điều kiện để T1 cùng thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo T tự mình thực hiện 01 vụ lừa đảo khác. Vì vậy, trong hành vi này bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo T1 nên khi lượng hình cần xem xét đến mức hình phạt của bị cáo T cao hơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Trong hành vi Trộm cắp tài sản, bị cáo T và T1 đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng “ Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo Bùi Hữu T đã thực hiện hai vụ án nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “ Phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra, tự khai ra hành vi phạm tội của mình trước đây nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại anh Nguyễn Văn S đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với hành vi Trộm cắp tài sản. Bị hại anh Nguyễn Văn Hữu A đã có đơn xin giảm nhẹ đối với bị cáo T nên trong hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét tính chất, mức độ, hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục răn đe, cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Trong vụ án này các bị cáo phạm vào hai tội quy định tại Bộ luật hình sự vì vậy cần phải áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung buộc phải thi hành.

[9] Các bị cáo khai đã cầm cố xe mô tô 74C1-095.14 cho anh Lê V nhưng anh V không thừa nhận việc cầm cố, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh nhưng không chứng minh được nên không đủ cơ sở để xử lý.

[10] Đối với hành vi nhận cầm cố xe mô tô 74C1-082.96 của anh Lê V và chị Nguyễn Thị Hải V; hành vi mua 150kg thép phi 1 của chị Lê Thị C. Quá trình điều tra đã chứng minh những người này không biết tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[11] Anh Nguyễn Tuấn D là người cho Bùi Hữu T mượn xe SIRIUS 74C1-349.09 cầm cố để chuộc chiếc xe 74C1-082.96 nhưng anh D không biết chiếc xe này do phạm tội mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Công ty TNHH MTV TN, anh Dương Huy C, anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn Hữu A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Lê V, chị Nguyễn Thị Hải V, chị Lê Thị C đã thỏa thuận và được gia đình các bị cáo bồi thường toàn bộ về phần dân sự nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về vật chứng: Chị Lê Thị Mỹ H là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô hiệu Attila màu đỏ, biển kiểm soát 74H1-009.69 (số máy VTBB-D041768; số khung 12HU8D041768), chị H không biết việc bị cáo Bùi Hữu T đã sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội, nên cần trả lại chiếc xe cho chị H theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Bùi Hữu T** (tên gọi khác: **Vện**) và **Lê Văn Anh T1** (tên gọi khác: **È**) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 55; Điều 58; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội “*Trộm cắp tài sản*”; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xử phạt **Bùi Hữu T**

10 (Mười) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và **15 (Mười lăm)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; tổng hợp hình phạt buộc Bùi Hữu T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **25 (Hai mươi lăm)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/10/2017. Tạm giam bị cáo Bùi Hữu T 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 55; Điều 58; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội “*Trộm cắp tài sản*”; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xử phạt **Lê Văn Anh T1 12 (Mười hai)** tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và **08 (Tám)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; tổng hợp hình phạt buộc Lê Văn Anh T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **20 (Hai mươi)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/10/2017. Tạm giam bị cáo Lê Văn Anh T1 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Trả lại cho chị Lê Thị Mỹ H chiếc xe mô tô hiệu Attila màu đỏ, biển kiểm soát 74H1-009.69 (Số máy VTBB-D041768; Số khung 12HU8D041768).

(Vật chứng tạm giữ hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐH theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/01/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐH).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, trường hợp vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố ĐH;
- Công an thành phố ĐH;
- Chi cục THADS TP ĐH;
- Trại tạm giam- Công an tỉnh Quảng Trị
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Sơn